



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 30

Ngày 20 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

24/05/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 49/2025/QĐ-UBND về việc phân cấp thẩm quyền sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hạng I; cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I trên địa bàn tỉnh Sơn La.	3
26/05/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 50/2025/QĐ-UBND về việc bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương.	5
02/06/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 51/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La.	7
03/06/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 52/2025/QĐ-UBND bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.	14
06/06/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 53/2025/QĐ-UBND quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Sơn La.	16
13/06/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 54/2025/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024 để áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên địa bàn thành phố Sơn La, thị xã Mộc Châu, huyện Thuận Châu.	21

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**UBND TỈNH**

06/06/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1319/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.	34
11/06/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 1369/QĐ-UBND về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên.	43
17/06/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1429/QĐ-UBND về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La.	69

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hạng I;
cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 150/TTr-SXD ngày 13 tháng 5 năm 2025, Báo cáo số 197/BC-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025; Kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 194/BC-STP ngày 09 tháng 5 năm 2025; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 416/BC-VPUB ngày 23 tháng 5 năm 2025;

UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc phân cấp thẩm quyền sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hạng I; cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I và cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I của UBND tỉnh Sơn La theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 77 và khoản 1 Điều 96 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (viết tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài hoạt động xây dựng hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I

b) Tổ chức có trụ sở chính tại địa bàn tỉnh Sơn La có nhu cầu đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung phân cấp

UBND tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng thực hiện các nội dung sau:

1. Sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 77 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm UBND tỉnh

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp tại Quyết định này, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp tại Quyết định này.

- Định kỳ báo cáo hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13 ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 138/TTr-SCT ngày 21 tháng 5 năm 2025;

UBND ban hành Quyết định bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương.

Điều 1. Bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương

1. Bổ sung nội dung tại Điều 2 Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công Thương: “*Giao Giám đốc Sở Công Thương quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn và các Đội Quản lý thị trường theo quy định*”.

2. Bổ sung nội dung tại Điểm b, khoản 2, điều 3 Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở

Công Thương: “*Đội quản lý thị trường có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, con dấu, tài khoản riêng; được mở các tài khoản giao dịch, tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước; được trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.*”

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2025./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về trách nhiệm Quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 160/TTr-SGDĐT ngày 13 tháng 5 năm 2025;

UBND ban hành Quyết định quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và thay thế Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 8 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm: Trách nhiệm của UBND các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm; việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm; công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Các nội dung khác về dạy thêm, học thêm không quy định tại Quy định này được áp dụng theo Quy định về dạy thêm học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với người dạy thêm, người học thêm; tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY THÊM, HỌC THÊM

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Tham mưu cho UBND tỉnh quản lý, chỉ đạo triển khai việc thực hiện các quy định hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm cho các nhà trường, các tổ chức và cá nhân liên quan trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định.

3. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách cho hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường.

4. Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm đối với các nhà trường, các tổ chức và cá nhân liên quan thuộc phạm vi quản lý; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

5. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND cấp tỉnh bố trí nguồn kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường cho các đối tượng học sinh được quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

2. Hướng dẫn đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và đoàn thể

Các sở, ban, ngành và đoàn thể có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục và chính quyền các cấp để tuyên truyền, quản lý thực hiện tốt việc dạy thêm, học thêm theo chức năng và thẩm quyền; kịp thời phát hiện, phản ánh những sai phạm và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý (nếu có).

Điều 6. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm đối với các nhà trường, các tổ chức và cá nhân liên quan thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm đối với các nhà trường, các tổ chức và cá nhân liên quan thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn; xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

3. Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, giờ làm thêm và các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ của các tổ chức, cá nhân dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn.

4. Bố trí nguồn ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác phù hợp với tình hình của địa phương cho hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

Điều 7. Trách nhiệm của UBND cấp xã

UBND cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp theo dõi, quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn theo Quy định này và Điều 12 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; kịp thời phát hiện những sai phạm, xử lý sai phạm hoặc đề nghị cấp thẩm quyền xử lý theo thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc quản lý dạy thêm, học thêm đối với các nhà trường, các tổ chức và cá nhân liên quan trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

2. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm cho các nhà trường, các tổ chức và cá nhân liên quan thuộc phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND cấp huyện bố trí kinh phí từ ngân sách cho hoạt động dạy thêm học thêm trong nhà trường, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

4. Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn quản lý; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

5. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

6. Thông báo công khai nơi tiếp công dân tại trụ sở cơ quan và điện thoại dùng cho việc tiếp nhận và xử lý các ý kiến phản ánh về dạy thêm, học thêm.

Điều 9. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Tổ chức việc dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

a) Cuối học kỳ và cuối năm học rà soát các đối tượng học sinh có nhu cầu học thêm theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT; xây dựng kế hoạch dạy thêm học thêm cho các đối tượng học sinh theo quy định, báo cáo các cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách cho việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường phù hợp với tình hình, đặc điểm của đơn vị.

b) Huy động các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ cho hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn, quản lý giáo viên đang dạy học tại nhà trường khi tham gia dạy thêm ngoài nhà trường bảo đảm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT; phối hợp theo dõi, kiểm tra hoạt động dạy thêm ngoài nhà trường của giáo viên đang dạy học tại nhà trường.

3. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý trực tiếp về việc tổ chức dạy thêm, học thêm, về chất lượng dạy thêm, học thêm trong nhà trường; việc quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm.

5. Tiếp nhận và xử lý ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của học sinh và cha mẹ học sinh về việc dạy thêm, học thêm trước và trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. Định kỳ cuối học kỳ và cuối năm học, tổng hợp báo cáo tình hình dạy thêm, học thêm theo yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở dạy thêm ngoài nhà trường

1. Thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm tại Điều 6 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trước khi tổ chức dạy thêm, thông báo với các cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn, theo phân cấp (*Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với các cơ sở dạy thêm chương trình trung học cơ sở, hoặc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học cơ sở; Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các cơ sở dạy chương trình trung học phổ thông, hoặc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông*) về các nội dung theo Mẫu số 02, Phụ lục đính kèm Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

3. Quản lý và bảo đảm chất lượng dạy thêm, học thêm và quyền lợi của học sinh học thêm, người dạy thêm. Quản lý, sử dụng tiền học thêm theo quy định của pháp luật.

4. Quản lý, lưu giữ hồ sơ tổ chức dạy thêm, học thêm theo quy định.

5. Tiếp nhận và xử lý ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của học sinh và cha mẹ học sinh về việc dạy thêm, học thêm trước và trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. Đảm bảo các điều kiện về phòng học, bàn ghế, bảng viết, chiếu sáng theo quy định về công tác y tế trường học tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

7. Đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy, nổ tại Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

8. Báo cáo, giải trình về việc thực hiện Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan với các cơ quan chức năng khi được yêu cầu.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ DẠY THÊM, HỌC THÊM

Điều 11. Thu và quản lý tiền học thêm

Thu và quản lý tiền học thêm thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 12. Sử dụng kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm

1. Chỉ cho người trực tiếp dạy thêm; chi cho công tác quản lý dạy thêm, học thêm tại cơ sở giáo dục; chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm.

2. Tỷ lệ phân bổ cho các nội dung chi phải thông qua Hội đồng trường, hội nghị viên chức, người lao động và được đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở giáo dục, đảm bảo công khai, dân chủ.

Chương IV
CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA,
XỬ LÝ VI PHẠM, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Thanh tra, kiểm tra

1. Hoạt động dạy thêm, học thêm chịu sự thanh tra của các cơ quan thanh tra nhà nước theo quy định của pháp luật.
2. Hoạt động dạy thêm, học thêm chịu sự kiểm tra thường xuyên và định kỳ của các cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp.
3. Các cơ quan quản lý giáo dục công khai số điện thoại đường dây nóng hoặc các hình thức khác phù hợp để tiếp nhận kịp thời các ý kiến phản ánh về các sai phạm trong dạy thêm, học thêm trên địa bàn.

Điều 14. Xử lý vi phạm

1. Nhà trường, cơ sở dạy thêm, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm, tùy vào tính chất, mức độ hành vi vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật và các quy định hiện hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
2. Trường hợp các cơ quan, đơn vị được quy định tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại theo quyết định của cấp thẩm quyền thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cũ chuyển giao cho cơ quan, đơn vị mới, cơ quan, đơn vị mới tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Quyết định này.
3. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời thông tin, báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 99/TTr-SKHCN ngày 23 tháng 5 năm 2025;

UBND ban hành Quyết định bãi bỏ các quyết định của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh.

2. Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh quy định xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

4. Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2025./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 06 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm
cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 293/TTr-SNV ngày 02 tháng 6 năm 2025;

UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 109 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 (sau đây gọi chung là người có đất thu hồi).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 109 Luật Đất đai năm 2024.

2. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, giải quyết việc làm. Cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước

1. Người có đất thu hồi được tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm miễn phí tại Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Sơn La.

2. Người có đất thu hồi có nhu cầu vay vốn được vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La và các Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách Xã hội trực thuộc.

Điều 4. Hỗ trợ chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Người có đất thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ theo các nội dung và mức hỗ trợ sau:

a) Đào tạo nghề: theo chi phí đào tạo thực tế, tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học;

b) Đào tạo ngoại ngữ: theo chi phí học thực tế, tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học;

c) Bồi dưỡng kiến thức cần thiết: theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khóa học;

d) Tiền ăn trong thời gian đào tạo: mức 40.000 đồng/người/ngày;

đ) Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi cư trú hợp pháp đến địa điểm đào tạo: mức 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên; mức 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại các vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 10 km trở lên;

e) Tiền ở trong thời gian đào tạo: 200.000 đồng/người/tháng;

g) Tiền trang cấp đồ dùng cá nhân (*quần áo đồng phục, chăn, màn, giày dép...*): 400.000 đồng/người.

2. Hỗ trợ chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài

a) Lệ phí làm hộ chiếu (*bao gồm hộ chiếu gắn chip điện tử và hộ chiếu không gắn chip điện tử*): 200.000 đồng/lần cấp;

b) Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người;

c) Lệ phí làm thị thực (*visa*) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động;

d) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người;

3. Hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài

a) Hỗ trợ cho thân nhân của người lao động bị chết trong thời gian làm việc ở nước ngoài. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/người;

b) Trong thời gian làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người lao động bị tai nạn lao động, tai nạn rủi ro, ốm đau, bệnh tật không đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc và phải về nước trước thời hạn. Mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/người;

c) Hỗ trợ cho một số trường hợp rủi ro khác quan khách. Mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000.000 đồng/người.

4. Trường hợp người có đất thu hồi thuộc hai hay nhiều đối tượng áp dụng thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất và chỉ được hưởng một lần các mức hỗ trợ tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 5. Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Người có đất thu hồi được vay vốn ưu đãi khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La hướng dẫn người lao động về hồ sơ, trình tự, thủ tục vay vốn, định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Tổ chức tuyên truyền và tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động có đất thu hồi.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền bổ sung vốn đầu tư công Ngân sách địa phương (*nếu có*): thực hiện chuyển vốn sang Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh tỉnh Sơn La, đảm bảo theo quy định hiện hành.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La

a) Hướng dẫn người có đất thu hồi được vay vốn ưu đãi theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và Điều 5 Quyết định này.

b) Tổ chức việc cho vay vốn đối với người lao động có đất thu hồi theo quy định tại Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

UBND cấp huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao cho đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc kết thúc hoạt động của UBND cấp huyện cụ thể:

a) Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, UBND cấp huyện có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ việc tìm kiếm, giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi tại địa phương. Phương án hỗ trợ việc tìm kiếm, giải quyết việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã thực hiện công tác tuyên truyền để Nhân dân và các đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ biết. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện chi trả, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định. Thực hiện chi trả các khoản hỗ trợ cho người lao động theo Quyết định này đảm bảo đầy đủ, kịp thời.

6. Chủ đầu tư

a) Phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan nơi thu hồi đất xây dựng phương án hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi.

b) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của người lao động và thanh toán tiền hỗ trợ (*trực tiếp hoặc qua sổ tài khoản ngân hàng*) đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho người lao động.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã nơi thu hồi đất để giải quyết các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

Xác nhận công khai danh sách lao động trong hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định này;

Sau khi kết thúc hoạt động của UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật để thực hiện chính sách theo Quyết định này.

8. Người có đất thu hồi có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quyết định này.

9. Trong quá trình thực hiện, các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2025

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2024 để áp dụng đến hết ngày 31/12/2025 trên địa bàn thành phố Sơn La, thị xã Mộc Châu, huyện Thuận Châu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH1, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 550/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 6 năm 2025, Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 247/BC-STP ngày 04 tháng 6 năm 2025.

UBND ban hành Quyết định điều chỉnh một số nội dung quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2024 để áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên địa bàn thành phố Sơn La, thị xã Mộc Châu, huyện Thuận Châu.

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2024 để áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên địa bàn thành phố Sơn La, thị xã Mộc Châu, huyện Thuận Châu như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.1- Thành phố Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019; Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020; Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022; Quyết định

số 43/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh (có Phụ lục I và Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03 kèm theo); Điều chỉnh bỏ mục VII Phần B Bảng 5.1 - Thành phố Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh.

2. Điều chỉnh, bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.3 - Huyện Thuận Châu ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh. (có Phụ lục II và Biểu số 01, Biểu số 02 kèm theo).

3. Điều chỉnh cụm từ “*Huyện Mộc Châu*” tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020, Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2021, Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023, Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024, Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh thành “*Thị xã Mộc Châu*”; Điều chỉnh, bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.9 - Thị xã Mộc Châu ban hành kèm theo Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh

(có Phụ lục III và Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03 kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực IX; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Các nội dung khác không điều chỉnh thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020, Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2021, Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022, Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2022, Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023, Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024, Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)
Phụ lục số 01
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.1. THÀNH PHỐ SƠN LA
Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG

Đơn vị: nghìn đồng /m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND; Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND; Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND					Quyết định của UBND tỉnh đã ban hành	Giá đất điều chỉnh				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ											
1	Khu dân cư Đại Thắng (Tổ 2, phường Quyết Tâm)											
-	Đường quy hoạch từ 17,5 m	7.000	4.900				Mục 32 Phần A Biểu 1 Phụ lục 01 QĐ 43/2024/QĐ-UBND	11.300	6.000			
-	Đường quy hoạch 13,5 m	6.400					Mục 43.18 Phần A Bảng 5.1 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	9.500				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	5.280					Mục 24 Phần A Biểu 2 Phụ lục số 01 Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND	8.000				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	4.000	2.400	1.800			Biểu 3 Phụ lục số 01 Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND	7.180	3.300	2.000		
-	Đường quy hoạch 5,5 m	3.000	1.800	1.400				5.000	2.400	1.800		
2	Khu dân cư tại tổ 5, (khu vực Trạm truyền dẫn sóng phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh											
-	Đường quy hoạch từ 20,5m đến 21m	4.200	2.500	1.900			Mục 43.45 Phần A Bảng 5.1 QĐ 43/2019/QĐ-UBND	6.800	4.100	2.720		
-	Đường quy hoạch 16,5m	4.000	2.400	1.800				5.800	3.500	2.300		
-	Đường quy hoạch 13m	3.500	2.100	1.600				5.000	3.000	2.000		
-	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	3.000	1.800	1.400				4.500	2.700	1.800		

STT	Tên tuyến đường	Giá đất theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND; Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND; Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND					Quyết định của UBND tỉnh đã ban hành	Giá đất điều chỉnh				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch 7m	2.500	1.500	1.100				4.000	2.400	1.600		
-	Đường quy hoạch 5,5m	2.000	1.200	900				3.500	2.100	1.400		
3	Khu quy hoạch dân cư hạ tầng 1A thuộc phường Chiềng Cơi Thành Phố Sơn La											
-	Tuyến đường rộng 18,5m	12.870	9.900				Mục 14 Phần A Biểu 1 Phụ lục số 01 Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND	14.500	12.000			
-	Tuyến đường rộng 13m đến 15m	11.440	9.482					13.000	10.000			
-	Tuyến đường rộng 10m đến 11,5m	10.120	7.200					12.600	8.400			
-	Tuyến đường rộng 7,5m đến 9,5m	8.580	5.800					10.000	6.500			
4	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 01, bản Buồn, phường Chiềng Cơi											
-	Đường quy hoạch 15 m	10.000					Mục 4 Phần A Biểu số 01.1 Phụ lục số 01 Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND	20.000				
-	Đường quy hoạch 9 m	8.200						17.700				

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.1. THÀNH PHỐ SƠN LA

Biểu số 02

BỔ SUNG GIÁ ĐẤT TẠI CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG

STT	Tên tuyến đường	Giá đất					Đơn vị: nghìn đồng/m ²
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ						
1	Đường Quốc lộ 6 cũ						
-	Đoạn từ giao đường Lê Duẩn đến hết trạm cân	6.000	3.600	2.000			

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.1. THÀNH PHỐ SƠN LA
Biểu số 03

ĐIỀU CHỈNH TÊN TUYỂN ĐƯỜNG (KHÔNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT)

STT	Tên tuyến đường tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND; Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND; Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND		Tên tuyến đường sau điều chỉnh	
B	Đất ở tại nông thôn		A	Đất ở tại đô thị
VII	Các tổ, bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn		1	Các tổ, bản thuộc phường
-	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thăm Mây, bản Phung, bản Hẹ, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	Điểm 1 Mục VII Phần B Bảng 5.1 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND; Điểm 1 Mục VII Phần B Biểu số 04 Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND	-	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thăm Mây, bản Phung, bản Hẹ, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá đất)
-	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	Điểm 2 Mục VII Phần B Bảng 5.1 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	-	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá đất)
-	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng Cơi (trừ tổ 2,3, Bản Buôn, Bản Mé Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	Điểm 3 Mục VII Phần B Bảng 5.1 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND; Mục 2 phần B Biểu 2 Phụ lục 01 Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND	-	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng Cơi (trừ tổ 2,3, Bản Buôn, Bản Mé Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá đất)

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)

Phụ lục số 02

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.3. HUYỆN THUẬN CHÂU

Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG

Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND					Quyết định của UBND tỉnh đã ban hành	Giá đất điều chỉnh				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ											
1	Khu đất đường vào Trường phổ thông trung học (trừ lô đất giáp Quốc lộ 6)	2.100	1.260	950	630	420	Gạch đầu dòng thứ hai Điểm 4 Mục II Phần A Bảng 5.3 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	2.600	1.260	950	630	420

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)

Phụ lục số 02

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.3. HUYỆN THUẬN CHÂU

Biểu số 02

BỔ SUNG GIÁ ĐẤT TẠI CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG

Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
II	Thị tứ Tông Lạnh, huyện Thuận Châu					
1	Đường quy hoạch thuộc khu TĐC Suối Dòn (02 thửa đất đấu giá)	2.400	1.440	1.080	720	480

Đơn vị: nghìn đồng/m²

[illegible]

STT	Tên tuyến đường	Giá đất theo Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND					Quyết định của UBND tỉnh đã ban hành	Giá đất điều chỉnh				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ đầu cầu Nà Ngà Quốc lộ 43 rẽ vào nghĩa trang nhân dân huyện Mộc Châu	380	280	200	180	140	Gạch đầu dòng thứ ba Điểm 1 Mục VI Phần B Phụ lục số 04 Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND	440	280	200	180	140
-	Từ Quốc lộ 43 theo đường vào bản Thái Hưng đến hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65	350	280	200	180	140	Gạch đầu dòng thứ năm Điểm 1 Mục VI Phần B Phụ lục số 04 Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND	410	280	200	180	140
-	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 40m đến đường vào Nhà văn hóa bản Sò Lườn	290	230	170	140	120	Gạch đầu dòng thứ sáu Điểm 1 Mục VI Phần B Phụ lục số 04 Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND	410	280	200	180	140
6	Phường Đông Sang											
-	Từ ngã ba sân vận động xã đến bản Búa	380	280	200	180	140	Gạch đầu dòng thứ ba Điểm 2 Mục VI Phần B Phụ lục số 04 Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND	430	280	200	180	140

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)

Phụ lục số 03

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.9. THỊ XÃ MỘC CHÂU

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG

Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
1	Phường Đông Sang					
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	350	280	200	180	140
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	400	300	250	200	150
2	Phường Mường Sang					
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	350	280	200	180	140
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	400	300	250	200	150
3	Phường Vân Sơn					
3.1	Đối với các tổ dân phố thuộc Thị trấn Nông trường Mộc Châu cũ					
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	800	400	300	200	100
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	1.400	700	500	300	200
3.2	Đối với các tổ dân phố thuộc xã Phiêng Luông cũ					
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	350	280	200	180	140

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	400	300	250	200	150
4	Từ ngã ba Quốc lộ 6 (cổng chào Mộc Châu) đến ngã ba Chiềng Đi (đường quy hoạch 30m)	6.000	3.000	2.000	1.500	1.000
5	Từ ngã ba Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20m đến hết khu Tái định cư Chiềng Đi (đường quy hoạch 30m)	6.000	3.000	2.000	1.500	1.000
6	Tuyến đường nội thị (<i>Quy hoạch 16,5 m</i>) Khu tái định cư Chiềng Đi (<i>Khu du lịch quốc gia Mộc Châu</i>)	4.500	2.200	1.100	900	700

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh)
Phụ lục số 03
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.9. THỊ XÃ MỘC CHÂU
Biểu số 03
ĐIỀU CHỈNH TÊN TUYỂN ĐƯỜNG (KHÔNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT)

STT	Tên tuyển đường tại Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND		Tên tuyển đường sau điều chỉnh	
	Đất ở tại đô thị		A	Đất ở tại đô thị
1	Các tuyển đường nội thị khác			
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	Điểm 16 Tiêu Mục X Mục A1 Phần A Phụ lục số 04 Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND	-	Các đoạn đường khác còn lại có độ rộng từ 3,5m trở xuống (trừ các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m đã quy định giá đất)
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	Điểm 24 Tiêu Mục XIX Mục A2 Phần A Phụ lục số 04 Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND		
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	Điểm 17 Tiêu Mục X Mục A1 Phần A Phụ lục số 04 Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND	-	Các đoạn đường khác còn lại có độ rộng trên 3,5m (trừ các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m đã quy định giá đất)
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	Điểm 25 Tiêu Mục XIX Mục A2 Phần A Phụ lục số 04 Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1319/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ;

Căn cứ Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 116/TTr-SKH-CN ngày 03 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2025/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc phối hợp triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập có liên quan đến hoạt động quản lý, triển khai, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

2. Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại tỉnh Sơn La (như: Thuế, Bảo hiểm xã hội, Kho bạc Nhà nước...) triển khai các giao dịch điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành tích hợp, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cho cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Giá trị pháp lý của văn bản điện tử được ký số

Giá trị văn bản điện tử được ký số theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 và Điều 5 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Điều 4. Các loại văn bản ký bằng chữ ký số chuyên dùng công vụ

Tất cả các văn bản điện tử thuộc thẩm quyền ban hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước (trừ các văn bản mật), được ký bằng chữ ký số chuyên dùng công vụ để trao đổi giữa các cơ quan nhà nước và trong nội bộ của mỗi cơ quan nhà nước.

Chương II**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ,
CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ, THIẾT BỊ
LƯU KHÓA BÍ MẬT VÀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ
CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ****Điều 5. Gửi, nhận yêu cầu chứng thực, thiết bị lưu khóa bí mật**

Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực, thiết bị lưu khóa bí mật giữa cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ (*Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ*) thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Điều 6. Cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; thu hồi, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật

1. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục, các trường hợp thực hiện và thời gian thực hiện việc cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật được thực hiện theo quy định tại: Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật.

2. Khi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ hết hạn sử dụng hoặc chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ bị thu hồi thì cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP. Trường hợp thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP

3. Khi cơ quan, tổ chức thực hiện các yêu cầu chứng thực theo khoản 1, khoản 2 Điều này phải đồng gửi bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để quản lý.

Điều 7. Quản lý thiết bị lưu khóa bí mật và chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Việc quản lý và sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật (*bao gồm: PKI Token, SIM PKI*) và chứng thư số chữ ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 39 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

2. Thiết bị lưu khóa bí mật và chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức sử dụng trong công tác văn thư được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Điều 8. Sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Chữ ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực bởi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ và chỉ được sử dụng trong hoạt động công vụ.

2. Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước quy định tại Điều 39 Luật Giao dịch điện tử phải được ký số và chứng thực theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trên văn bản điện tử

1. Văn bản điện tử trước khi phát hành phải được ký số bằng chữ ký số chuyên dùng công vụ cá nhân của người có thẩm quyền ký văn bản và chữ ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức do Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong thời gian còn hiệu lực.

2. Ký số trên văn bản điện tử đi

a) Kiểm tra nội dung, thể thức, chuyển định dạng văn bản điện tử

Văn bản điện tử sau khi được người đứng đầu hoặc lãnh đạo của đơn vị soạn thảo kiểm tra về nội dung, thể thức thì trình đến người có thẩm quyền ký duyệt văn bản. Trường hợp văn bản điện tử có định dạng không thể thực hiện ký số trực tiếp thì chuyển văn bản điện tử sang định dạng Portable Document Format (.pdf) để trình người có thẩm quyền ký duyệt văn bản.

b) Thực hiện ký số chuyên dùng công vụ cá nhân

Người có thẩm quyền ký văn bản sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ cá nhân của mình để ký văn bản và chuyển đến Văn thư. Vị trí, hình ảnh chữ ký số theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

c) Thực hiện ký số chuyên dùng công vụ cơ quan, tổ chức

Văn thư cơ quan, tổ chức kiểm tra thể thức văn bản điện tử; trường hợp văn bản điện tử đảm bảo thể thức theo quy định thì sử dụng ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức để thực hiện ký số lên văn bản. Vị trí, hình ảnh chữ ký số theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

3. Ký số trên văn bản điện tử được số hóa từ văn bản giấy đến

Văn thư kiểm tra tính toàn vẹn, giá trị pháp lý của văn bản giấy đến, trường hợp văn bản giấy đến đảm bảo rõ ràng chính xác theo đúng quy định pháp luật thì Văn thư cơ quan, tổ chức sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức để ký sao y văn bản. Vị trí, hình ảnh chữ ký số theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Điều 10. Kiểm tra tính hợp lệ của chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

1. Quy trình và nội dung kiểm tra chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ thực hiện theo Điều 30, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

2. Văn thư kiểm tra tính toàn vẹn của văn bản, giá trị pháp lý của chữ ký số trên văn bản điện tử đến. Trường hợp văn bản điện tử đến được ký số đúng quy định thì phải tiếp nhận. Trường hợp văn bản điện tử đến được ký số không hợp lệ hoặc không đầy đủ theo quy định thì cơ quan, tổ chức nhận văn bản không tiếp nhận. Đồng thời, báo ngay người có trách nhiệm giải quyết và thông báo cho nơi gửi văn bản.

3. Văn bản điện tử lấy từ các Trang thông tin điện tử hoặc các nguồn khác cần được kiểm tra trước khi sử dụng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

Điều 11. Triển khai ứng dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các ứng dụng chuyên ngành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh

Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại tỉnh Sơn La có triển khai các giao dịch điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành tích hợp, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm chủ trì, công khai đầu mối hỗ trợ, ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong giao dịch điện tử của ngành mình triển khai; đồng thời hàng quý (*trước ngày 15 tháng cuối quý*) tổng hợp tình hình sử dụng, gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CÔNG VỤ

Điều 12. Công tác phối hợp

1. Hoạt động phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị; tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động quản lý nhà nước về sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

2. Những vướng mắc, phát sinh trong quá trình phối hợp phải được thống nhất giải quyết theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan.

Điều 13. Nội dung phối hợp

Phối hợp triển khai các nội dung thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh theo Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, cụ thể:

1. Đề xuất, tham mưu việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, các văn bản quy định quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong phạm vi quản lý.

2. Báo cáo tình hình công tác quản lý, triển khai, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ; đồng thời

xây dựng kế hoạch, nhu cầu sử dụng của năm tiếp theo cho thuê bao thuộc quyền quản lý theo hướng dẫn của Ban Cơ yếu Chính phủ.

3. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các thuê bao trong quá trình triển khai, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thuộc phạm vi quản lý.

4. Tổ chức tập huấn, huấn luyện triển khai, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các thuê bao thuộc phạm vi quản lý.

5. Tổ chức thực hiện gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho các thuê bao thuộc phạm vi quản lý khi được phân cấp, ủy quyền.

Điều 14. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc, cơ quan chủ trì quyết định việc áp dụng các phương thức phối hợp sau đây:

1. Trao đổi thông qua văn bản.
2. Trao đổi thông qua các phương tiện thông tin liên lạc hoặc trực tiếp gặp gỡ để trao đổi.
3. Cử cán bộ tham gia các hoạt động phối hợp giữa các bên.
4. Tổ chức hội nghị, hội thảo.
5. Tổ chức đoàn kiểm tra các thuê bao trong quá trình triển khai, quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì tham mưu, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điều 13 Quy chế này.
2. Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ thuộc phạm vi quản lý.
3. Báo cáo định kỳ và đột xuất với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ việc quản lý, sử dụng quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp

1. Tổ chức triển khai sử dụng có hiệu quả chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ đã cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý nhằm tăng cường trao đổi văn bản điện tử được ký bằng chữ ký số đã cấp thông qua phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các hệ thống ứng dụng khác có liên quan đến việc sử dụng chữ ký số để xác thực.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý và các nội dung theo Điều 6, Điều 7 Quy chế này.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Điều 37 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ

Thực hiện các quy định tại Điều 39 Nghị định số 68/2024/NĐ-CP và Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan triển khai các giao dịch điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành có tích hợp chữ ký số chuyên dùng công vụ cho cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh

Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hoặc các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại tỉnh Sơn La nếu có triển khai các giao dịch điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành tích hợp, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điều 13 Quy chế này, cụ thể như sau:

1. Chủ trì quản lý, kiểm tra, đôn đốc sử dụng chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành, trong giao dịch điện tử của ngành mình, bảo đảm theo đúng quy định.

2. Chủ trì tổng hợp số liệu tình hình quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ tại cơ quan mình, địa phương cung cấp thông tin cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Triển khai quán triệt đầy đủ các quy định của pháp luật về trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao quản lý, sử dụng chứng thư số, thực hiện nhiệm vụ người ký số; cá nhân sử dụng chứng thư số, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ phải có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý trực tiếp những thông tin liên quan đến thiết bị lưu khóa bí mật như bị mất, bị hỏng vật lý, bị khóa thiết bị do nhập sai mật khẩu và các trường hợp mất an toàn thông tin khác, thông tin chuẩn bị về hưu, chuyển công tác để cơ quan kịp thời thu hồi chứng thư số theo quy định.

4. Phân công bộ phận đầu mối triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ, lựa chọn cán bộ đầu mối là cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin của cơ quan (nếu có), tăng cường đào tạo bộ phận đầu mối về quản lý chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ để bảo đảm hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ tại cơ quan.

5. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các văn bản quy định, các hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương, Ban Cơ yếu Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; tổng hợp, thống kê, kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong triển khai các giao dịch điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành bảo đảm kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân khác trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức thuộc các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại tỉnh Sơn La có trách nhiệm triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Quy chế này. Đồng thời triển khai, quán triệt Quy chế này đến các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có liên quan biết, để thực hiện.

3. Đối với các công việc theo yêu cầu của cơ quan chủ trì cần phối hợp để giải quyết các công việc quy định tại Quy chế này, nếu cơ quan phối hợp từ chối mà không có lý do chính đáng, không cho ý kiến, hoặc cho ý kiến không bảo đảm theo yêu cầu, thì cơ quan chủ trì tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để xem xét, xử lý.

4. Trường hợp các văn bản được đề cập tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1369/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 11 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước với mục tiêu
tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên.

Căn cứ Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Nghị quyết số 457/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 420/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 461/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 340/TTr-STC ngày 06 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên như sau:

Năm 2024, mặc dù khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, nhiều yếu tố rủi ro, bất định, diễn biến phát sinh vượt ngoài khả năng dự báo; bất ổn chính trị leo thang tại một số quốc gia, khu vực; thiên tai, dịch bệnh, thời tiết biến đổi và diễn biến phức tạp, khó lường gây ảnh hưởng lớn đến đời sống, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự nỗ lực quyết tâm của các lực lượng và Nhân dân trong tỉnh, năm 2024 đã hoàn thành và vượt kế hoạch 25/28 chỉ tiêu chủ yếu; kinh tế duy trì tăng trưởng, GRDP tăng 6,3% so với năm 2023;

thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 4.100 tỷ đồng, hoàn thành dự toán Trung ương giao; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục cải thiện; công tác xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản đạt được kết quả quan trọng; các lĩnh vực an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được đặc biệt quan tâm; kịp thời hỗ trợ, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở; an ninh, quốc phòng, đối ngoại được tăng cường; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Năm 2025 là năm bản lề, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng - vừa là năm tăng tốc, bứt phá để hoàn thành mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, vừa là thời điểm chuẩn bị các điều kiện cần thiết tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và chuẩn bị, củng cố các yếu tố nền tảng để đưa đất nước ta tự tin bước vào kỷ nguyên mới phát triển. Trong khi đó tình hình quốc tế và khu vực tiếp tục biến động nhanh, phức tạp và khó lường, với những thách thức ngày càng gia tăng – từ suy thoái kinh tế, xung đột địa chính trị đến biến đổi khí hậu và các rủi ro an ninh phi truyền thống - địa phương phải đóng vai trò tiên phong, chủ động thích ứng, linh hoạt ứng phó, biến thách thức thành cơ hội. Bên cạnh đó, những hạn chế nội tại kéo dài, cùng với tác động của thiên tai, thời tiết cực đoan, dịch bệnh... tiếp tục là những yếu tố cản trở tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, tỉnh cần phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực điều hành và tổ chức thực hiện; tăng cường tính kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị; chủ động bám sát chỉ đạo của Trung ương, đồng thời linh hoạt, sáng tạo trong vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

I. CHỦ ĐỀ, QUAN ĐIỂM, TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và giai đoạn 05 năm 2021 - 2025 theo Kết luận, yêu cầu của Trung ương, Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương tập trung chỉ đạo, điều hành để năm 2025 đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP đạt 8%, tạo nền tảng vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo; tăng trưởng nhanh nhưng phải bền vững; phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát huy sức mạnh đoàn kết, tinh thần đổi mới, không ngừng nỗ lực sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, chung sức, đồng lòng, biến mọi khó khăn, thách thức thành cơ hội bứt phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt theo chủ đề **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tinh gọn hiệu quả; tăng tốc bứt phá”** với **05** quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành, gồm:

1. Quán triệt và triển khai hiệu quả 5 quan điểm trọng tâm theo Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ, đặc biệt tập trung thực hiện 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm giải pháp chủ yếu và “bộ tứ trụ cột” về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hội nhập quốc tế; xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển kinh tế tư nhân. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội,

Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Triển khai đồng bộ Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 05 tháng 10 năm 2024 tại Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Nghị quyết số 158/2024/QH15 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kết luận số 123-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhằm tạo sự thống nhất cao về nhận thức và quyết tâm hành động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, chủ động, tích cực chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

2. Phân tích kỹ lưỡng, đánh giá sát tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, từ đó có các giải pháp đột phá trên tinh thần *"chỉ tiêu nào chưa đạt thì phải đạt, chỉ tiêu đạt rồi thì phải nâng cao chất lượng, hiệu quả"*, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu đề ra. Đổi mới mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, cách mạng, toàn diện hơn nữa trong quản lý kinh tế để đưa Sơn La phát triển bền vững, góp phần đưa đất nước vững vàng bước vào kỷ nguyên thịnh vượng, giàu mạnh và phát triển.

3. Quyết tâm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng đạt 8% nhằm tạo đà, tạo lực và tạo thế vững chắc cho những năm tiếp theo đạt mức tăng trưởng hai con số. Với tinh thần: *"Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng thuận, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi thì chỉ bàn làm, không bàn lùi."* *Bám sát thực tiễn, kịp thời ứng phó với những vấn đề phát sinh, giữ vững tinh thần "dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung,"* đồng thời kiên định *"Đã nói là làm, đã cam kết là phải thực hiện; đã làm, đã thực hiện là phải có hiệu quả."* Phát huy vai trò của "chính quyền địa phương quyết tâm - hành động - chịu trách nhiệm," gắn kết với giám sát và kiểm tra chặt chẽ từ cấp trên. Các cấp, các ngành, địa phương cần đoàn kết, thống nhất, nghiêm túc chấp hành sự lãnh đạo của Trung ương.

4. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trên tinh thần *"Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"*, Trung ương, Quốc hội, Chính phủ giữ vai trò kiến tạo và tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

5. Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên. Xây dựng, phát triển đất nước trên tinh thần *"tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc"*; khai thác tối đa mọi cơ hội, động lực, nguồn lực bên trong và bên ngoài cho phát triển.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xác định đột phá về thể chế là “đột phá của đột phá”, phải đi sớm, đi trước mở đường cho phát triển. Đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, phát huy hiệu quả các nguồn lực cơ chế, chính sách, các quy định mới; tiếp tục tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

1.1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Triển khai hiệu quả Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật và Nghị quyết số 140/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc thẩm quyền để kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những văn bản chồng chéo, không phù hợp, ban hành quy định mới phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành để giải phóng mọi nguồn lực tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với việc chuyển đổi số. Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiếp cận pháp luật và bảo đảm an toàn pháp lý của cá nhân, tổ chức.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả thi hành pháp luật và quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp, đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06.

1.2. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; thực hiện nghiêm các kết luận sau thanh tra, kiểm tra.

Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh và tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

1.3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách Nhà nước, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch. Phối hợp với các sở, ngành kiểm tra việc thực hiện quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí năm 2025 trong các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

1.4. Công an tỉnh, Viện Kiểm sát, Tòa án tỉnh

Tăng cường công tác phát hiện, điều tra và phối hợp xử lý nghiêm các vụ án tham nhũng. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính. Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc có điều kiện thi hành án, nhất là các vụ việc trọng điểm, phức tạp, kéo dài.

1.5. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Kịp thời tham mưu ban hành văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương quy định chi tiết, hướng dẫn triển khai các văn bản theo quy định của pháp luật; rà soát, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ. Tăng cường kỷ luật, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng số trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công, đồng thời nâng cao năng lực thích ứng cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân, tạo điều kiện để họ tham gia sâu hơn vào quá trình phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm đóng vai trò dẫn dắt chuyển đổi số, từng bước xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số. Phát triển dịch vụ công theo hướng trực tuyến, đảm bảo phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, qua đó góp phần chuyển dịch mô hình tăng trưởng sang nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo và công nghệ.

Tiếp tục thúc đẩy cải cách hành chính, tăng cường rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính không còn phù hợp, bảo đảm thực chất và hiệu quả; từ đó rút ngắn thời gian xử lý thủ tục, giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Phấn đấu giảm tối thiểu 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính; bảo đảm 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến, không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Đồng thời, bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết và đơn giản hóa quy trình thực hiện.

Tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong tình hình mới; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn lực cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân, tham gia mạng lưới hỗ trợ, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ tra cứu, cập nhật thường xuyên đầy đủ thông tin đối với các quy trình thủ tục hành chính, các quy hoạch về sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch chung xây dựng; các thông tin về ngân sách, mời thầu... để nhà đầu

tư, cộng đồng doanh nghiệp để tiếp cận và tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở.

2. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế, đẩy mạnh các động lực tăng trưởng

2.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tăng cường kỷ luật và kỷ cương trong quản lý tài chính - ngân sách nhà nước (NSNN); điều hành chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả; quản lý thu NSNN nghiêm túc, đảm bảo thu đúng, đủ, kịp thời, đồng thời khai thác tối đa các nguồn thu còn dư địa và tiềm năng. Thực hiện triệt để tiết kiệm chi, đặc biệt là chi thường xuyên; tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách, ưu tiên đầu tư phát triển các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng và thiết yếu. Kịp thời thực hiện đầy đủ các chính sách về lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính, chống thất thoát và lãng phí ngân sách. Phân bổ ngân sách theo nguyên tắc hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo khả năng thực hiện thực tế. Phân đầu hoàn thành mục tiêu thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 theo kế hoạch do HĐND tỉnh giao.

Thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với các mặt hàng quan trọng, nhà nước còn định giá, bình ổn giá. Công khai thông tin về giá, điều hành giá để tạo sự đồng thuận và giám sát từ của nhân dân...

Tập trung tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công; triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia. Kiên quyết thu hồi vốn đối với các dự án chậm triển khai, chưa cần thiết hoặc không phát huy hiệu quả; đồng thời ưu tiên nguồn lực cho các công trình kết nối liên vùng. Phát huy vai trò của các Tổ công tác trong việc kiểm tra, đôn đốc thu ngân sách và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025.

2.2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tập trung đẩy mạnh hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại đối với các thị trường chủ lực, truyền thống, trọng điểm, đặc biệt khai thác các thị trường/khu vực hiện đang có FTA với Việt Nam. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại, định hướng xuất khẩu chính ngạch, phát triển thương hiệu sản phẩm Sơn La trên các sàn thương mại điện tử quốc tế. Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trên các thị trường mới, thị trường tiềm năng, nhất là các mặt hàng nông sản; tìm hiểu xu hướng thị hiếu tiêu dùng tại các thị trường mới; tổ chức các sự kiện quảng bá, trưng bày, xây dựng hình ảnh thương hiệu hàng hóa của Sơn La tại các địa phương trong và ngoài nước. Tăng cường quảng bá, khuyến khích tiêu dùng sản phẩm nội địa; lựa chọn một số mặt hàng tiềm năng để thiết kế và thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại riêng cho những mặt hàng này vào các thị trường. Tiếp tục thu hút đầu tư các cửa hàng tiêu thụ sản phẩm nông sản, thực phẩm đặc sản của Sơn La, các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Tham mưu thực hiện giải pháp khai thác, phát huy tiềm năng, nâng cao giá trị gia tăng, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, đặc biệt công nghiệp chế

biển, gắn với xây dựng thương hiệu, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh xuất khẩu. Tăng cường công tác thông tin, định hướng doanh nghiệp, chuyển mạnh hoạt động xuất khẩu sang hình thức chính ngạch, bền vững. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, xúc tiến xuất khẩu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác xúc tiến thương mại, nhất là cung cấp thông tin, tư vấn thị trường xuất khẩu và kết nối thị trường cho các địa phương, hiệp hội ngành hàng và cộng đồng doanh nghiệp.

2.3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 3 chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Đẩy mạnh huy động vốn và phân đầu giảm mặt bằng lãi suất theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước; phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng với mức lãi suất hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng và góp phần hạn chế tín dụng đen. Thúc đẩy phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và hệ thống thanh toán; mở rộng hệ sinh thái số và tăng cường cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực công, đặc biệt trong y tế, giáo dục và chi trả an sinh xã hội.

2.4. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt khắc phục các điểm nghẽn, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2025, đặc biệt là dự án đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La và 3 Chương trình mục tiêu quốc gia; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún; thu hồi vốn của các dự án không triển khai theo kế hoạch phê duyệt, kiên quyết loại bỏ những dự án không thực sự cần thiết; chủ động cân đối nguồn lực của địa phương để đầu tư các dự án thuộc phạm vi mình quản lý với tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, phấn đấu thu ngân sách nhà nước cao hơn khoảng 5% so với ước thực hiện năm 2024. Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên để dành tăng thêm cho chi đầu tư phát triển. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, tham gia sâu, rộng hơn vào chuỗi cung ứng; khai thác hiệu quả thị trường mới.

3. Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy; tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi

3.1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả chủ trương tinh giản, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương tại Kết luận số 126-KL/TW ngày 12 tháng 02 năm 2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025, Kết luận số 155-KL/TW ngày 17 tháng 5 năm 2025, Kết luận số 157-KL/TW ngày 25 tháng 5 năm 2025. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn tổ chức bộ máy, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, không chồng chéo, trùng lặp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; triển khai quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm đi vào hoạt động thông suốt theo đúng tiến độ, chất lượng, phân đầu hoàn thành sắp xếp cấp xã trước 15 tháng 7 năm 2025. Sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng “*Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả*”, cải cách sâu rộng quản trị nhà nước, minh bạch hoá, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường và trách nhiệm giải trình của các cấp, nhất là người đứng đầu; xoá bỏ cơ chế xin - cho. Thực hiện tốt các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đổi mới, sắp xếp, nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số dịch vụ công, nhất là trong các lĩnh vực có điều kiện, đổi mới hình thức cấp ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với sản phẩm, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục hiệu quả tình trạng né tránh, dùn dẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có nền tảng vững chắc về tư tưởng chính trị, chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và dám đưa ra những giải pháp đột phá, nhất là trong xử lý những tình huống phức tạp, điểm nghẽn; có giải pháp tạo động lực, bảo vệ cán bộ, công chức làm việc, cống hiến, vì lợi ích chung. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc để giám sát thường xuyên, kịp thời uốn nắn, khắc phục, chấn chỉnh ngay các vi phạm, khuyết điểm, không dám chịu trách nhiệm.

3.2. Thanh tra tinh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong hoạt động thanh tra, nhất là thực hiện nghiêm Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, giải quyết kịp thời tố cáo, kiến nghị về tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tăng tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản do vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, trọng tâm là các nhiệm vụ thuộc “*Đề án xây dựng cơ chế xử lý vật chứng tài sản bị tạm giữ, kê biên, phong tỏa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án, vụ việc*”.

3.3. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Triển khai có hiệu quả chủ trương sắp xếp, tinh giảm bộ máy tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiếp tục thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, tích cực thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; khắc phục, xử lý tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, né tránh, thiếu trách nhiệm trong thi hành công vụ, tạo không gian sáng tạo, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi; có giải pháp tạo động lực, bảo vệ cán bộ, công chức làm việc, cống hiến, vì lợi ích chung. Tiếp tục phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi.

Hoàn thành việc tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Khai thác hiệu quả, tránh lãng phí tài sản công sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm gây lãng phí lớn.

Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, nhất là khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhân sự Đại hội Đảng các cấp.

4. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, các công trình có tính liên kết vùng, hạ tầng đô thị, hạ tầng chuyển đổi số

4.1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng trong công tác lập quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Nà Sản; đề xuất Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc đoạn Mộc Châu - thành phố Sơn La trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị và Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung hoàn thành mục tiêu 100% xã có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; hoàn thành mục tiêu 85% số bản có đường giao thông từ xã đến trung tâm bản được cứng hóa, đẩy mạnh phong trào cứng hóa đường GTNT gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Triển khai Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030, từng bước xây dựng và phát triển hoàn chỉnh hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh có kết cấu hạ tầng theo hướng ngày một đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và bền vững, đảm bảo hài hòa với nông thôn.

4.2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức, quyết tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, và chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội.

Đẩy mạnh chuyển đổi số một cách sâu rộng, toàn diện, nhất là xây dựng thể chế số thông thoáng, hạ tầng số hiện đại, nền kinh tế số rộng khắp, nhân lực số chất lượng cao. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, tích hợp cơ sở dữ liệu ngành, địa phương để hình thành kho dữ liệu tổng hợp, sử dụng công cụ phân tích dữ liệu hỗ trợ ra quyết định; xây dựng lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến; tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; sử dụng và giao dịch trên các sàn thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

Tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Đẩy nhanh xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, đô thị thông minh, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp. Tập trung triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch phát triển Hạ tầng số; Kế hoạch phát triển Kinh tế số và Xã hội số; Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2025.

Rà soát, đề xuất cơ chế chính sách, huy động nguồn lực phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa các thủ tục hành chính; nghiên cứu giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, trọng tâm là các công trình thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nước sạch nông thôn ổn định đời sống nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đảm bảo tiêu chí chủ động phục vụ sản xuất nông nghiệp tiên tiến và hạn chế tác động do hạn hán gây ra.

4.4. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương: Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch, Kế hoạch Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phát triển hạ tầng điện lực, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch, mục tiêu phát triển và lợi thế của tỉnh.

4.5. Các sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, phối hợp với các địa phương

Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng xã hội; trong đó, đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa thể thao, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử gắn với đô thị thông minh.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn, đặc biệt là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu và kiểm soát giá nguyên vật liệu để đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng các dự án.

5. Tập trung thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu kinh tế

5.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tham mưu các giải pháp điều hành linh hoạt, hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung, không dàn trải, bám sát vào khả năng cân đối các nguồn vốn, tạo sức lan tỏa và động lực thúc đẩy giữa các vùng, địa phương. Phối hợp với các đơn vị tham mưu thực hiện hoàn thành việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025; đề xuất thu hồi đối với các trường hợp phân bổ không đúng quy định. Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của từng dự án, kịp thời đề xuất điều chỉnh kế hoạch từ dự án giải ngân chậm hoặc không còn nhu cầu sang dự án có nhu cầu bổ sung vốn, các dự án đã có khối lượng hoàn thành để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. Đối với các nguồn vốn đầu tư công thực hiện rà soát, điều chuyển theo các đợt:

- Đợt 1: Rà soát, tham mưu thu hồi, điều chuyển vốn của dự án chuyển tiếp đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 có kết quả giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn.

- Đợt 2: Rà soát tiến độ đối với các dự án được giao kế hoạch năm 2025 thu hồi, điều chuyển vốn của các dự án đến ngày 30 tháng 9 năm 2025 có kết quả giải ngân dưới 60% kế hoạch vốn.

Trong năm, tùy thuộc tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân thanh toán các nguồn vốn được giao sẽ thực hiện các đợt điều chỉnh khi thấy cần thiết để đảm

bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, thời gian điều chỉnh trước ngày 15 tháng 11 năm 2025.

Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển, nâng cao vai trò quản lý nhà nước, tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia đầu tư; khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh, hiệu quả, bền vững, trở thành một động lực quan trọng góp phần phát triển kinh tế xã hội; giải quyết dứt điểm các khó khăn vướng mắc trong triển khai các dự án thu hút đầu tư chậm tiến độ. Tổ chức triển khai thực hiện công tác thu hút đầu tư theo đúng quy định, đúng định hướng phát triển của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các dự án thu hút đầu tư theo quy định; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được chấp thuận, phê duyệt chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; kiên quyết xử lý những dự án chậm triển khai, không triển khai, triển khai không đúng nội dung của quyết định phê duyệt. Đẩy nhanh tiến độ thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước theo kế hoạch.

Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác; tổ chức triển khai hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2023. Tăng cường thu hút đầu tư, nhất là các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như: chế biến sản phẩm nông nghiệp, chế biến sâu khoáng sản; phát triển du lịch dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, sinh thái, nông nghiệp và du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La; năng lượng tái tạo...

5.2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 3 chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoạt động an toàn, thông suốt, đáp ứng kịp thời, đầy đủ vốn cho nền kinh tế. Đẩy mạnh huy động vốn, phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng ngân hàng với lãi suất hợp lý, phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh, tiêu dùng chính đáng của người dân và doanh nghiệp. Phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, đảm bảo an ninh an toàn công nghệ thông tin và hệ thống thanh toán.

Tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác thanh tra, giám sát hoạt động của tổ chức tín dụng, đặc biệt là tập trung thanh tra chuyên đề đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao; đẩy mạnh xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh; tiếp tục triển khai các giải pháp hạn chế, ngăn chặn tín dụng đen.

5.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tham mưu thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng; tăng nhanh giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích, tăng khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản chủ lực, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững. Khai thác và tận dụng tốt lợi thế về điều kiện tự nhiên; phát triển nông nghiệp hàng hóa, sản xuất an toàn, hữu cơ,

xanh, sạch, đặc sản; xây dựng và phát triển các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ nông sản trong nước và ngoài nước. Phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn theo Kết luận số 703-KL/TU ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chăn nuôi tập trung theo vùng với quy mô lớn theo hướng hàng hóa, hiệu quả cao và bền vững, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh. Từng bước chuyển đổi chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản từ mô hình nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại theo hướng hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao và liên kết các khâu trong chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và giá trị sản phẩm. Phát triển cây Mắc ca, lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng... để tăng thu nhập cho người dân trên diện tích đất lâm nghiệp được giao.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị sản phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục duy trì, phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm nông sản, thủy sản an toàn và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ các nhà máy chế biến gắn với phát triển các sản phẩm lợi thế, chủ lực của từng huyện, thành phố.

Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Sơn La thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp; Đề án thành lập khu nông nghiệp công nghệ cao Sơn La. Đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ để nâng cao năng lực dự báo, đồng thời tổ chức tuyên truyền cho nông dân về các biện pháp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, hạn chế tối thiểu thiệt hại và bảo vệ sản xuất nông nghiệp.

5.4. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Chú trọng nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm công nghiệp có lợi thế, gắn với xây dựng thương hiệu, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh xuất khẩu. Rà soát, cập nhật, đề xuất bổ sung danh mục thu hút đầu tư hàng năm và giai đoạn 2021 - 2025; chú trọng tập trung cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản theo Nghị quyết 06/NQ-TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, gắn với khai thác tiềm năng các vùng nguyên liệu, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp địa phương; hỗ trợ, tạo điều kiện để các chủ đầu tư phát huy hiệu quả công suất các nhà máy chế biến lớn trên địa bàn. Tập trung thu hút đầu tư các siêu thị, trung tâm thương mại, hệ thống chợ tại các trung tâm huyện, thành phố.

Tiếp tục nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện, gió, điện sinh khối; thúc đẩy phát triển hệ thống điện mặt trời mái nhà; vận hành linh hoạt hồ chứa các thủy điện, khai thác thác tối đa công suất phát điện, đảm bảo công tác phòng lũ, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp phía hạ du; chú

trọng phát triển bền vững thủy điện kết hợp với giữ nước, giữ rừng, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

5.5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Đẩy mạnh phát triển du lịch, thu hút du khách. Tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật liên quan đến hoạt động du lịch, về phát triển Du lịch theo hướng trọng tâm, trọng điểm. Phát huy lợi thế của tỉnh về văn hóa và nông nghiệp để phát triển sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, hấp dẫn, trong đó quan tâm, chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch; triển khai các chương trình phát triển du lịch nông nghiệp. Tập trung nguồn lực phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu theo hướng đồng bộ, phát triển sản phẩm du lịch theo 05 nhóm chủ đạo, gồm:

(1) Du lịch sinh thái, nông nghiệp;

(2) Du lịch văn hoá, lịch sử;

(3) Du lịch cộng đồng;

(4) Du lịch nghỉ dưỡng, giải trí và sức khỏe;

(5) Du lịch chuyên đề (thể thao; hội thảo, hội nghị, ẩm thực,...); tạo động lực thúc đẩy phát triển du lịch tại các địa phương khác trong tỉnh.

Tập trung triển khai các giải pháp nhằm huy động và thu hút các nguồn lực đầu tư vào phát triển hạ tầng và kỹ thuật phục vụ du lịch theo hướng trọng tâm, trọng điểm. Việc phát triển du lịch cần bảo đảm theo phương châm: “Sản phẩm đặc sắc - Dịch vụ chuyên nghiệp - Thủ tục thuận tiện, đơn giản - Giá cả cạnh tranh - Môi trường vệ sinh sạch, đẹp - Điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện”. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch gắn với tiềm năng nông nghiệp, bản sắc văn hóa dân tộc, điều kiện khí hậu ôn đới, tài nguyên du lịch lòng hồ thủy điện và các điểm du lịch văn hóa truyền thống đặc sắc. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong hoạt động du lịch; thực hiện chuyển đổi số trong quản lý điểm đến, hướng tới xây dựng mô hình du lịch thông minh. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và cá nhân đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ du khách theo đúng tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật của ngành du lịch đối với từng loại hình dịch vụ. Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; đa dạng hóa các hình thức xúc tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh điểm đến. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn và xử lý vi phạm nhằm bảo đảm các hoạt động du lịch thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2026. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá, xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch Sơn La; tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch trong và ngoài tỉnh nhằm tạo điểm nhấn thu hút truyền thông và khách du lịch.

5.6. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục triển khai đồng bộ, nhất quán các văn bản quy phạm pháp luật, đề khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong Nhân dân, nguồn lực từ bên ngoài; tháo gỡ ngay các điểm nghẽn đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 138/NQ-CP năm 2025 về Kế hoạch hành động của Chính phủ. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, chủ động xử lý kịp thời những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, khẩn trương đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư; quyết liệt, quyết tâm cao trong chỉ đạo, điều hành, phân công “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả”; lập kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án và tuân thủ nghiêm kế hoạch giải ngân từng tháng, quý; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; phấn đấu tỷ lệ giải ngân năm 2025 đạt 100% kế hoạch vốn giao. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh.

Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với các dự án theo quy định. Kiên quyết loại bỏ những dự án không thật sự cần thiết. Xử lý nghiêm các trường hợp nhà thầu vi phạm tiến độ, chất lượng theo quy định; tiếp tục xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan.

Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; đa dạng hóa các hình thức quảng bá và xúc tiến, đồng thời nghiên cứu đổi mới, ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động này. Đẩy mạnh xã hội hóa, tập trung thu hút đầu tư vào siêu thị, trung tâm thương mại và hệ thống chợ tại các trung tâm huyện, thành phố. Khuyến khích các cơ sở kinh doanh và người tiêu dùng chuyển đổi sang hình thức mua bán và thanh toán điện tử. Thúc đẩy chuyển đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng xanh, tuần hoàn và giảm phát thải. Ưu tiên các dự án công nghiệp sạch, công nghệ cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đồng thời, triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai, nâng cao năng lực cảnh báo sớm và ứng phó rủi ro khí hậu.

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2025, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã được HĐND các cấp đề ra.

6. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

6.1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo theo Kết luận 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XVI. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo hướng chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; thúc đẩy giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi và đổi mới Chương trình giáo dục mầm non.

Khuyến khích phát triển các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh...; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị dạy học tối thiểu cho các cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên. Tăng cường công tác phối hợp để giảng dạy văn hóa bậc trung học phổ thông trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và năng lực chuyển đổi số cho nhà giáo, người dạy nghề, chuyên gia cho các ngành, nghề trọng điểm. Tiếp tục giải quyết tình trạng thiếu giáo viên các cấp học, nhất là tại địa bàn vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên gắn với việc xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam. Đẩy mạnh triển khai xây dựng văn hoá học đường, quan tâm giáo dục cho học sinh, sinh viên lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, tự lực, tự cường, khơi dậy khát vọng cống hiến phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp thông qua kiểm soát chất lượng trong quá trình đào tạo và sau đào tạo; xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Đẩy mạnh hướng dẫn địa phương và các cơ sở đào tạo, đa dạng hóa hình thức tổ chức đào tạo, đẩy mạnh triển khai đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo và trong công tác quản trị nhà trường; nâng

cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, chất lượng cao.

Đẩy mạnh hợp tác doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm, tạo ra các mô hình gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động theo vùng, địa phương, các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; chú trọng gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Dự báo về nhu cầu đào tạo giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ.

6.2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng sát với thực tiễn; nâng cao chất lượng tư vấn của các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đặc biệt là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị có tiềm năng xuất khẩu; nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá khả năng đáp ứng về cơ sở vật chất, nhân lực của cơ quan hành chính nhà nước.

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm kết nối liên thông và tích hợp dữ liệu giữa các ngành, các cấp và địa phương trong toàn tỉnh. Thúc đẩy cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; từng bước triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp một cách thuận tiện, hiệu quả.

Hình thành và vận hành kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức; hỗ trợ công tác phân tích, ra quyết định trong quản lý, điều hành. Xây dựng các nền tảng số tích hợp, kết nối liên thông giữa các hệ thống, thúc đẩy chia sẻ dữ liệu công, tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp.

Tăng cường năng lực bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin trọng yếu. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hướng tới hình thành dữ liệu số đồng bộ và phục vụ tái sử dụng.

Triển khai hiệu quả cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích tham gia thực hiện một số công việc trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính như: hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, số hóa, trả kết quả... trên cơ sở đánh giá khả năng đáp ứng về cơ sở vật chất, nhân lực của cơ quan hành chính nhà nước.

6.3. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển đột phá trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục, hoạt động dạy và học tại các cơ sở giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động quản lý nhà nước theo hướng đồng bộ, sâu rộng và hiệu quả; tổ chức triển khai quyết liệt, có trọng tâm Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đối với các cấp học: mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, bảo đảm đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới

7.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Tập trung chuẩn bị và tổ chức tốt các hoạt động, kỷ niệm các ngày Lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước, của tỉnh, như: 95 năm ngày thành lập Đảng, 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, 80 năm ngày Quốc khánh, 130 năm thành lập tỉnh Sơn La...

Tiếp tục bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, làm tốt công tác giáo dục truyền thống; tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; tăng cường công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể truyền thống. Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, phong trào rèn luyện thân thể trong nhân dân; chuẩn bị lực lượng vận động viên, tham gia đội tuyển thi đấu các giải thể thao quốc gia, quốc tế.

7.2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Nâng cao năng lực y tế cơ sở, y tế dự phòng, dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện

khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng cường chỉ đạo, chuyển giao kỹ thuật, kịp thời hỗ trợ cho các cơ sở y tế tuyến dưới. Tăng cường quản lý các bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần, an toàn thực phẩm, môi trường y tế, sức khỏe học đường, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích và nâng cao sức khỏe người dân. Thúc đẩy triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số y tế trên địa bàn.

Nâng cao hiệu quả phòng, chống tệ nạn xã hội gắn với bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường các hoạt động truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe về phòng, chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và các hành vi nguy cơ cao, nhất là trong thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên và nhóm có nguy cơ cao. Tăng cường giám sát, phát hiện sớm và can thiệp kịp thời các vấn đề y tế liên quan đến tệ nạn xã hội; nâng cao năng lực cho đội ngũ y tế cơ sở trong công tác tư vấn, hỗ trợ và điều trị cho người bị ảnh hưởng bởi tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh trong cộng đồng. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em. Chủ động giải quyết các vấn đề về trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em.

7.3. Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Triển khai, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng khó, có giải pháp nâng cao trình độ dân trí, giải quyết việc làm và tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Đẩy mạnh Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát”, quyết tâm hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025.

Thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, tín ngưỡng, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Chủ động nắm chắc tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân tôn giáo, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo đảm bảo theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Tổ chức bồi dưỡng công tác tôn giáo và tuyên truyền phổ biến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp huyện, cấp xã và các bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra đối với công tác quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo ở cơ sở; phát hiện và xử lý kịp thời, dứt điểm những vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động tôn giáo ở cơ sở; hạn chế thấp nhất ảnh hưởng tiêu cực của hoạt động tôn giáo và lợi dụng tôn giáo.

7.4. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng, các đối tượng yếu thế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tăng cường kết nối cung cầu, phát triển mạnh thị trường lao động; làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động và hỗ trợ xuất khẩu lao động. Thực hiện tốt công tác người cao tuổi, thanh niên, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

7.5. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo, phát sinh nghèo. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

7.6. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. tập trung triển khai, thực hiện, quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Chương trình MTQG phát triển KT - XH dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ giảm nghèo khác. Tập trung cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng khó khăn. Huy động mọi nguồn lực quyết tâm hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát trong tháng 5 năm 2025.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là trong dịp Lễ, Tết và giáp hạt. Hỗ trợ kịp thời về lương thực, nhà ở, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh; không để sót đối tượng, địa bàn cần hỗ trợ.

8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

8.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Nâng cao hiệu quả sử dụng và có giải pháp huy động nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong lĩnh vực đất đai nhất là công tác giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh. Quản lý các dự án khai thác tài nguyên nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, an toàn nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường. Nâng cao năng

lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn; vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh; tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa.

Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo, nhất là thiên tai liên quan đến bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất, cấp báo động lũ đáp ứng yêu cầu phát triển và phục vụ phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai trong tình hình mới. Nâng cao khả năng chống chịu; huy động nguồn lực đầu tư các công trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

8.2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Thực hiện kiểm soát, bảo vệ môi trường ngay từ giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư các dự án, sàng lọc loại trừ các dự án công nghệ lạc hậu, sử dụng nhiều tài nguyên, tiêu hao năng lượng, các ngành nghề có nguy cơ ô nhiễm. Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và cứu nạn, cứu hộ, ổn định đời sống dân cư khi có thiên tai xảy ra.

9. Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, thực hiện nghiêm quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị

9.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tham gia các hoạt động liên kết vùng để phát triển kinh tế xã hội và giải quyết các vấn đề chung của vùng gắn với thực hiện các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc. Triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

Tập trung đầu tư, kêu gọi đầu tư vào các dự án trọng điểm, dự án có sức lan tỏa, dẫn dắt sự phát triển của các ngành, lĩnh vực; thu hút đầu tư các dự án hạ tầng, phát triển khu, cụm công nghiệp; dự án khu đô thị mới, khu dân cư; các dự án phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch. Huy động nguồn lực khu vực ngoài nhà nước tham gia phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội.

9.2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung hướng dẫn, đôn đốc công tác rà soát, đề xuất lập mới, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh nhằm quản lý, thu hút đầu tư trên cơ sở phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của tỉnh. Theo dõi, nắm bắt kịp thời và tham mưu UBND tỉnh phương án giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch; tháo gỡ khó khăn vướng mắc các dự án khu đô thị, nhà ở, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Phần đầu hết năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 20,6%.

9.3. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết và các quy hoạch chuyên ngành. Tập trung phát triển đô thị gắn với các mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường liên kết vùng trong phát triển kinh tế - xã hội.

10. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; tiếp tục xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội

10.1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, lực lượng vũ trang vững vàng về chính trị, có sức chiến đấu ngày càng cao, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và củng cố hệ thống chính trị cơ sở, chú trọng vùng cao, biên giới. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng an ninh và kinh tế xã hội, kinh tế xã hội với quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, nâng cao chất lượng huấn luyện và khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống.

10.2. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia. Tập trung triển khai các đề án, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng, kịp thời phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm minh các đối tượng hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước thông qua không gian mạng và tội phạm mạng; Tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh môi trường.

Triển khai các giải pháp đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, về ma túy, về kinh tế, chức vụ, tham nhũng, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa nghiện ma túy, cai nghiện ma túy và hỗ trợ người nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng. Tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện Đề án “Chuyển hóa, xây dựng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh không có ma túy giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự nhất là quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài, phòng cháy chữa cháy, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn giao thông.

10.3. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Chỉ đạo chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, phương án phòng thủ dân sự, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, sự cố môi trường, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

Tập trung nhận diện và chủ động các giải pháp kiểm chế, kéo giảm tội phạm bền vững. Trấn áp mạnh, quyết liệt đối với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm giết người, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm đánh bạc; hoạt động “tín dụng đen”; tội phạm liên quan đến thanh, thiếu niên; các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy; xử lý nghiêm tội phạm và các vi phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, đặc biệt là các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực.

Đẩy mạnh công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, công tác phòng cháy, chữa cháy; kiên quyết xử lý nghiêm hành vi vi phạm về nồng độ cồn, sử dụng ma túy khi điều khiển phương tiện giao thông.

11. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển

11.1. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương: Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế. Duy trì, củng cố, tăng cường mối quan hệ với 09 tỉnh của nước CHDCND Lào; chú trọng mở rộng hợp tác với một số địa phương của các nước ngoài khu vực, hợp tác với các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam để tăng cường quảng bá, giới thiệu tiềm năng lợi thế của tỉnh ra cộng đồng quốc tế, vận động thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động hiệu quả các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn lực khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

11.2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương: Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đối ngoại, biên giới lãnh thổ.

12. Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

12.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Phản ánh đầy đủ, có chiều sâu các thông điệp, hoạt động của của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ; bám sát các Kết luận, Nghị quyết

của Trung ương, Quốc Hội, Chính phủ để tập trung tuyên truyền các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, làm tiền đề tiến tới Đại hội Đảng các cấp và Đại hội XIV của Đảng; cung cấp nguồn tin chính thống, tin cậy đến Nhân dân, chủ động, tích cực định hướng dư luận xã hội, huy động sức mạnh đại đoàn kết để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Tập trung thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước và của tỉnh năm 2025, như: Kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025), Kỷ niệm 80 năm ngày cách mạng tháng Tám và Quốc khánh (2/9/1945 - 2/9/2025), Kỷ niệm 50 năm ngày thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), Kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 130 năm thành lập tỉnh Sơn La... Tích cực thông tin, tuyên truyền gương người tốt, việc tốt; bám sát thực tiễn, tăng cường cung cấp thông tin góp phần ổn định dư luận xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước. Thực hiện tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên quyết đấu tranh chống các hành vi sai trái, phản bác các quan điểm, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; thông tin phản hồi những vấn đề được dư luận quan tâm; triệt phá, gỡ bỏ, ngăn chặn các thông tin xấu, độc, sai sự thật; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm.

12.2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị, xã hội tỉnh: Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quyết định này và các Nghị quyết, Kết luận, chương trình hành động liên quan của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, các Quyết định, Chỉ thị, Thông báo, Kết luận của UBND tỉnh và Thường trực UBND tỉnh (*Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh*), Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Quán triệt phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được trong những năm qua; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII và Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, các Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Quyết định này. Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của cơ quan, đơn vị mình; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; kịp thời báo cáo UBND tỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Theo dõi sát diễn biến trong nước và quốc tế, chủ động phân tích đánh giá, dự báo để có các giải pháp kịp thời, tổng thể, đồng bộ, tận dụng thời cơ, thuận lợi, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Kịp thời tổ chức triển khai, đánh giá tình hình thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và đề xuất giải pháp chỉ đạo, điều hành của ngành mình, cấp mình trong các tháng, quý, năm tiếp theo, gửi Văn phòng UBND tỉnh (để theo dõi), gửi Sở Tài chính trước **ngày 18 hàng tháng** để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, các phiên họp UBND tỉnh và báo cáo Bộ Tài chính theo đúng quy định.

- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố; giữa cơ quan chính quyền các cấp với các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tổ chức, các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong năm 2025.

- Tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ; đồng thời tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân. Tổ chức giao ban định kỳ hàng tháng (các phiên họp thường kỳ của UBND các cấp) để kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng công việc được giao của các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố và đề xuất khen thưởng, chấn chỉnh, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện và kết quả thực hiện 28 chỉ tiêu chủ yếu năm 2025 giao tại Quyết định số 2615/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024; Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025; Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về giao trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc giao trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh thông tin, tuyên truyền toàn diện, đầy đủ nội dung Quyết định này tới cán bộ, đảng viên và nhân dân tạo sự đồng thuận trong xã hội, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đặt ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đến thời điểm quyết định này có hiệu lực./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1429/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 17 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 131/TTr-SKH-CN ngày 10 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị có cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La

a) Có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu; thực hiện rà soát, cập nhật, quy định nội dung dữ liệu được phép chia sẻ, đối tượng được chia sẻ phù hợp với các quy định pháp luật chuyên ngành và các hình thức chia sẻ dữ liệu theo Quyết định này.

b) Đề xuất điều chỉnh, bổ sung đối với cơ sở dữ liệu vào Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La (*qua Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp*).

2. Đối với các cơ quan, đơn vị chưa có cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La

Nghiên cứu, đề xuất, triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành; sau khi hoàn thành, đề xuất bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để thực hiện kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì triển khai các giải pháp kết nối, tích hợp các dữ liệu trong Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu

(LGSP) tỉnh Sơn La để phục vụ khai thác, chia sẻ dữ liệu của tỉnh Sơn La hiệu quả, đồng bộ và an toàn thông tin.

b) Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La xác định nội dung, hình thức chia sẻ dữ liệu phù hợp.

c) Tham mưu tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La cho phù hợp khi có thay đổi trong quá trình triển khai, thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã, phường (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025); Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục
DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU DÙNG CHUNG TỈNH SƠN LA

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
1	CSDL Công Thông tin điện tử tỉnh Sơn La		Cung cấp thông tin chính thức về hoạt động thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh và cung cấp các kênh thông tin, các chức năng phục vụ công dân và doanh nghiệp	Tin tức hoạt động của các CQNN trong tỉnh; các văn bản pháp lý, văn bản chỉ đạo điều hành; các kênh thông tin theo quy định của pháp luật	Ban biên tập của tỉnh và cộng tác viên của các cơ quan, đơn vị tạo lập tin bài và dữ liệu, cung cấp lên Cổng TTĐT	Dữ liệu mở	Văn phòng UBND tỉnh
2	CSDL văn bản quản lý và chỉ đạo điều hành		Quản lý dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành thuộc thẩm quyền ban hành của các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cấp trên phạm vi toàn tỉnh	Thông tin văn bản điện tử được quản lý theo quy định	Cơ quan, đơn vị sử dụng cập nhật; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
3	CSDL thông tin báo cáo		Hình thành dữ liệu các chế độ báo cáo của cơ	Dữ liệu báo cáo được cập nhật từ cấp xã đến	Cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống tạo lập	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu	

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
			quan hành chính nhà nước theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ	cấp tỉnh, phản ánh chỉ tiêu của các ngành, lĩnh vực, các cấp trên địa bàn tỉnh	dữ liệu báo cáo định kỳ theo quy định	đặc thù	
4	CSDL về thủ tục hành chính		Cung cấp thông tin, dữ liệu về thủ tục hành chính của tỉnh và các nội dung liên quan phục vụ chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị và người dân, doanh nghiệp khai thác	Quyết định công bố thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh; nội dung, quy trình thực hiện các TTHC; thông tin về DVCTT; tổng hợp, thống kê tình hình giải quyết TTHC; các danh mục hồ sơ, biểu mẫu	Cơ quan sử dụng cập nhật; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
5	CSDL Văn phòng UBND tỉnh	CSDL Công báo điện tử tỉnh Sơn La	Cung cấp thông tin về văn bản pháp luật cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu	Số hóa, cung cấp toàn bộ các thông tin về các văn bản được đăng Công báo cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh cập nhật dữ liệu	Dữ liệu mở	
6	CSDL Công dữ liệu mở tỉnh Sơn La		Công bố rộng rãi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ dữ liệu mở tỉnh Sơn La	Các thông tin, dữ liệu chuyên ngành của các sở, ngành, địa phương được thu thập, cập nhật, duy trì, chia sẻ thường xuyên	Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cập nhật dữ liệu, thông tin chuyên ngành, lĩnh vực hoạt động của cơ quan, đơn vị mình định kỳ theo quy định	Dữ liệu mở	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
7	CSDL về chuyển đổi số tỉnh Sơn La		Quản lý thống nhất toàn bộ dữ liệu đối với việc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thông tin dữ liệu chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, UBND cấp trực thuộc	Các đơn vị có trách nhiệm cập nhật dữ liệu chuyển đổi số hàng năm	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
8	CSDL ngành Khoa học và Công nghệ	CSDL về nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nghiên cứu, khai thác, tra cứu sự trùng lặp trong quá trình tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN hàng năm trên địa bàn tỉnh	Thông tin chi tiết từng nhiệm vụ KH&CN	Cơ quan quản lý cập nhật; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
		CSDL về đổi mới sáng tạo	Quản lý thống nhất toàn bộ dữ liệu về đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thông tin dữ liệu về hoạt động đổi mới sáng tạo của các tổ chức, cá nhân	Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cập nhật dữ liệu đổi mới sáng tạo định kỳ	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
		CSDL về Hạ tầng viễn thông	Quản lý thống nhất toàn bộ dữ liệu đối với hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Sơn La	Các thông tin, dữ liệu về viễn thông được thu thập, cập nhật, duy trì, chia sẻ thường xuyên	Các đơn vị quản lý, doanh nghiệp có trách nhiệm cập nhật dữ liệu về quản lý	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
		CSDL về Bưu chính	Quản lý thống nhất toàn bộ dữ liệu về bưu chính trên địa bàn tỉnh Sơn La	Các thông tin, dữ liệu về bưu chính được thu thập, cập nhật, duy trì, chia sẻ thường xuyên	Các đơn vị quản lý, doanh nghiệp có trách nhiệm cập nhật dữ liệu về quản lý	Chia sẻ dữ liệu mặc định	

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
9	CSDL về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Sơn La		Quản lý tập trung, thống nhất thông tin, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trên phạm vi toàn tỉnh	Thông tin hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định	Hình thành trong quá trình sử dụng hệ thống thông tin quản lý CB, CC, VC	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Sở Nội vụ
10	CSDL ngành Nội vụ	CSDL tài liệu lưu trữ lịch sử	Quản lý, bảo quản và khai thác tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh	Thông tin tài liệu lưu trữ lịch sử đã được số hóa do Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh quản lý, khai thác	Số hóa, từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	
		CSDL về người có công	Quản lý dữ liệu về người có công, thân nhân người có công trên phạm vi toàn tỉnh	Thông tin người có công, thân nhân người có công theo quy định	Số hóa hồ sơ ban đầu; các ngành, địa phương có trách nhiệm cập nhật lên CSDL	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	
11	CSDL quản lý dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh		Quản lý dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh	Thông tin, dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định	Cơ quan quản lý cập nhật từ hệ thống đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Chia sẻ dữ liệu mặc định	Sở Tài chính
12	CSDL ngành Tài chính	CSDL chỉ tiêu kinh tế, xã hội chủ yếu	Quản lý dữ liệu các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội chủ yếu trên địa bàn tỉnh	Thông tin thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, xã hội chủ yếu theo quy định	Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cập nhật dữ liệu các chỉ tiêu chủ yếu theo ngành, lĩnh vực được phân công; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
13	CSDL đất đai		Quản lý tập trung, thống nhất các thông tin về đất đai trên địa bàn tỉnh	Thông tin địa chính của thửa đất, thông tin quy hoạch, kế hoạch, kiểm kê đất đai và giá đất	Hình thành qua các dự án đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh; trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	CSDL ngành Nông nghiệp và Môi trường	CSDL môi trường và Đa dạng sinh học	Quản lý thông tin về môi trường, đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh	Thông tin về tình trạng môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, thông tin về đa dạng sinh học của tỉnh	Cập nhật dữ liệu ban đầu; trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về môi trường; các báo cáo, nghiên cứu, chương trình dự án về đa dạng sinh học	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
		CSDL rừng	Quản lý thông tin và diễn biến rừng tỉnh Sơn La	Thông tin thống kê về các loại rừng, theo dõi, cập nhật diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh	Hình thành trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	
		CSDL Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn	Quản lý thông tin về các công trình khai thác tài nguyên nước, số liệu khí tượng thủy văn và giám sát khai thác tài nguyên nước tỉnh Sơn La	Thông tin về các công trình khai thác tài nguyên nước, giấy phép khai thác tài nguyên nước, số liệu khí tượng thủy văn và số liệu giám sát khai thác tài nguyên nước	Cập nhật dữ liệu ban đầu; trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính và số liệu truyền từ các trạm giám sát khai thác tài nguyên nước	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù ; Chia sẻ theo hình thức mặc định	

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
		CSDL cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm	Quản lý thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm	Thông tin về tên, địa chỉ, số giấy phép của cơ sở sản xuất kinh doanh	Số hóa, cập nhật dữ liệu ban đầu; cập nhật thường xuyên trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
		CSDL Thủy lợi	Quản lý thông tin về các công trình thủy lợi	Thông tin về tên công trình, đặc điểm kỹ thuật, số liệu cung cấp nước của công trình thủy lợi	Số hóa, cập nhật dữ liệu ban đầu; cập nhật thường xuyên trong quá trình quản lý, theo dõi công trình thủy lợi	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù ; Chia sẻ theo hình thức mặc định	
		CSDL thông tin địa lý tỉnh Sơn La	Quản lý các thông tin có gắn với vị trí địa lý trên địa bàn tỉnh	Các loại bản đồ số chuyên ngành, chuyên đề của ngành Nông nghiệp và Môi trường và các ngành có liên quan khác	Số hóa, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu ban đầu; cập nhật thường xuyên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù ; Chia sẻ theo hình thức mặc định	
15	CSDL ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	CSDL du lịch	Quản lý dữ liệu về hoạt động du lịch trên phạm vi toàn tỉnh	- Cơ sở dữ liệu điểm đến du lịch: Thông tin chi tiết, hình ảnh, bản đồ số 3D/360, các danh lam thắng cảnh, khu du lịch, di tích lịch sử, văn hóa, các	Nguồn dữ liệu được thu thập, cập nhật từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các huyện, thành phố; điều tra, khảo sát, cập nhật; báo cáo của các tổ chức, cá nhân hoạt	Chia sẻ dữ liệu mặc định	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
				sự kiện lớn. - Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp du lịch: Dữ liệu về các cơ sở lưu trú, lữ hành, nhà hàng, dịch vụ vận chuyển phục vụ khách du lịch. - Cơ sở dữ liệu du lịch công đồng, nông nghiệp và văn hóa phi vật thể: Tổng hợp các mô hình du lịch đặc thù gắn với đồng bào dân tộc, nghề truyền thống, lễ hội, bản sắc văn hóa. - Cơ sở dữ liệu phản ánh, đánh giá của khách du lịch: Phản ánh hiện trường, khảo sát mức độ hài lòng của du khách, tích hợp phần mềm quản lý du lịch an toàn.	động trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh		

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
				- Hệ thống phân tích và thống kê: Theo dõi số lượng khách du lịch, doanh thu, xếp hạng cơ sở dịch vụ, hỗ trợ ra quyết định.			
		CSDL di sản văn hóa	Quản lý dữ liệu về quản lý các di sản văn hóa của địa phương	Hệ thống thông tin bản đồ số và hệ thống cơ sở dữ liệu về lịch sử, văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán và các sản phẩm truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tích hợp cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Sơn La.	Nguồn dữ liệu được thu thập, cập nhật từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các huyện, thành phố	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
16	CSDL ngành Tư pháp	CSDL hộ tịch	Quản lý dữ liệu về hộ tịch trên phạm vi toàn tỉnh	Thông tin, dữ liệu về hộ tịch theo quy định	Số hóa từ hồ sơ giấy; dữ liệu từ hệ thống thông tin khác	Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BTP	Sở Tư pháp

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
		CSDL về xử lý vi phạm hành chính	Quản lý dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trên phạm vi toàn tỉnh	Tập hợp các thông tin, dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp tiếp nhận dữ liệu do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân cung cấp. Các cơ quan, đơn vị cập nhật thông tin bắt buộc theo quy định lên cơ sở dữ liệu	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	
17	CSDL ngành Công Thương		Quản lý dữ liệu ngành công thương trên địa bàn tỉnh	- Thông tin (số hóa, tạo lập dữ liệu GIS) về hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ xăng dầu, năng lượng; thông tin về đề án, chương trình khuyến công; thông tin chi tiết từng sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu - Thông tin (số hóa, tạo lập dữ liệu GIS) về dữ liệu cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, bán buôn rượu; cấp giấy	Cơ quan quản lý cập nhật; hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	Sở Công Thương

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
18	CSDL ngành Xây dựng			chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm; các cụm công nghiệp đang hoạt động; cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản thuộc ngành Công thương quản lý			
		CSDL quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên nền GIS	Quản lý dữ liệu các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh	Số hoá, theo dõi hồ sơ, bản đồ quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, các khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh	Số hoá hồ sơ ban đầu; các ngành, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm cập nhật lên CSDL	Chia sẻ dữ liệu mặc định	Sở Xây dựng
		CSDL nguồn nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng	Quản lý tập trung, thống nhất nguồn nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh	Thông tin nguồn nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng	Cơ quan quản lý cập nhật; hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
		CSDL nguồn nhân lực ngành xây dựng	Quản lý dữ liệu về nguồn nhân lực ngành xây dựng	Thông tin nguồn nhân lực ngành xây dựng	Cơ quan quản lý cập nhật; hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
19	CSDL ngành Y tế	CSDL về thoát nước đô thị	Quản lý dữ liệu về thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh	Thông tin về hạ tầng thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh	Cơ quan quản lý cấp nhất; hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
		CSDL về cây xanh đô thị	Quản lý dữ liệu về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh	Thông tin về hạ tầng cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh	Cơ quan quản lý cấp nhất; hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	
		CSDL khám bệnh, chữa bệnh	Quản lý dữ liệu về hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Thông tin về khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở vật chất của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Điều tra, thống kê; cơ quan quản lý cấp nhất; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Sở Y tế
		CSDL hồ sơ sức khỏe	Quản lý dữ liệu về hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân trên địa bàn tỉnh	Thông tin về hồ sơ sức khỏe của người dân theo quy định	Hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	
		CSDL về trẻ em	Quản lý thông tin về	Thông tin liên quan đến trẻ em trên địa	Số hóa hồ sơ ban đầu; các ngành, địa phương	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu	

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
			trẻ em trên địa bàn tỉnh	bản tỉnh	có trách nhiệm cập nhật lên CSDL	đặc thù	
		CSDL về đối tượng bảo trợ xã hội	Quản lý thông tin đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh	Thông tin chi tiết về đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh	Số hóa hồ sơ ban đầu; các ngành, địa phương có trách nhiệm cập nhật lên CSDL	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	
		CSDL Y tế dự phòng	Cung cấp thông tin tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm.	Thông tin về các hoạt động y tế dự phòng: tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh,...	Thông tin dữ liệu chung từ Bộ Y tế	Kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng	
		CSDL về dân số, Kế hoạch hóa gia đình	Cung cấp thông tin về dân số	Thông tin về dân số, bao gồm thông tin về hộ gia đình, nhân khẩu, sức khỏe sinh sản	Thông tin dữ liệu chung từ Bộ Y tế	Kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng	
		CSDL về hành nghề Dược tư nhân	Cung cấp thông tin về dữ liệu hành nghề Dược	Thông tin về chứng chỉ hành nghề dược tư nhân, đánh giá thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	Thông tin dữ liệu chung từ Bộ Y tế	Kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng	
		CSDL về cán bộ, viên công chức, học sinh chức, học viên ngành giáo dục	Quản lý tập trung, thống nhất thông tin, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, học	- CSDL (chứa thông tin) về các trường học; - CSDL về các lớp học; - CSDL về đội ngũ	Hệ thống bảo mật phân quyền chức năng, truy cập dữ liệu chặt chẽ theo phân	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Sở Giáo dục và Đào tạo
20	CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo						

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
		tỉnh Sơn La	sinh trên phạm vi toàn tỉnh.	cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ngành GDĐT; - CSDL về học sinh. - CSDL về cơ sở vật chất và thiết bị trường học; - CSDL về tài chính, đầu tư cho GDĐT; - CSDL về giáo dục dân tộc; - CSDL về phổ cập giáo dục, chống mù chữ;	công chuyên môn, tích hợp đầy đủ các mẫu biểu thống kê		
		CSDL tài liệu lưu trữ	Quản lý dữ liệu về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên	- CSDL (chứa thông tin) về các trường học; - CSDL về các lớp học; - CSDL về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên ngành GDĐT; - CSDL về học sinh. - CSDL về cơ sở vật chất và thiết bị trường học;	Hệ thống bảo mật phân quyền chức năng, truy cập dữ liệu chặt chẽ theo phân công chuyên môn, tích hợp đầy đủ các mẫu biểu thống kê	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
				- CSDL về tài chính, đầu tư cho GDDT; - CSDL về giáo dục dân tộc; - CSDL về phổ cập giáo dục, chống mù chữ;			
21	CSDL ngành Dân tộc và Tôn giáo	CSDL về dân tộc và công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Sơn La	Quản lý dữ liệu về dân tộc và công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Sơn La	Số hóa dữ liệu thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân số dân tộc của các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; kết quả thực hiện chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh	Số hóa hồ sơ ban đầu; các ngành, địa phương có trách nhiệm cập nhật lên CSDL	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Sở Dân tộc và Tôn giáo
22	CSDL ngành Thanh tra	CSDL về kế hoạch, cuộc thanh tra	Tạo lập hồ sơ điện tử duy nhất về 1 cuộc thanh tra	Thông tin chi tiết về đối tượng, thời gian, thời kỳ, nội dung của cuộc thanh tra	Cơ quan quản lý cập nhật; hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Thanh tra tỉnh
		CSDL về khiếu nại, tố cáo	Tạo lập hồ sơ điện tử duy nhất về 1 vụ việc khiếu nại, tố cáo	Thông tin chi tiết về tên người khiếu nại, tố cáo; nội dung khiếu nại, tố cáo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã cập nhật; hình thành trong quá trình hoạt động	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
					chuyên môn		
		CSDL về hệ thống báo cáo tổng hợp công tác thanh tra	Quản lý số liệu tổng hợp về công tác thanh tra trên địa bàn tỉnh	Số liệu về số cuộc thanh tra; số đơn vi, cá nhân được thanh tra; số kết luận đã ban hành; số liệu vi phạm về kinh tế	Cơ quan quản lý cấp nhất; hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	
		CSDL về hệ thống báo cáo tổng hợp công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Quản lý số liệu tổng hợp về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh	Số liệu về số lượt tiếp công dân, số đơn đã xử lý; số đơn khiếu nại, tố cáo đã giải quyết trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã cấp nhất; hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	
		CSDL về hệ thống báo cáo tổng hợp công tác phòng, chống tham nhũng	Quản lý số liệu tổng hợp về công tác phòng chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh	Số liệu tổng hợp về công tác phòng chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh; Số liệu chi tiết về danh sách các vụ việc tham nhũng; Số liệu chi tiết về kết quả phát hiện, khắc phục các văn bản còn sơ hở, để bị lợi dụng để tham nhũng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã cấp nhất; hình thành trong quá trình hoạt động chuyên môn	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	

STT	Tên CSDL dùng chung	Dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành	Mục đích	Nội dung chính	Cơ chế thu thập	Hình thức chia sẻ	Đơn vị chủ trì
23	CSDL Ban quản lý các khu công nghiệp	CSDL khu công nghiệp	Quản lý dữ liệu các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Thông tin các khu công nghiệp; quy hoạch; xúc tiến đầu tư; các doanh nghiệp khu công nghiệp	Cơ quan quản lý cấp nhất; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu mặc định	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
24	CSDL ngành Bảo hiểm xã hội	CSDL về bảo hiểm	Lưu trữ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh xã hội được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận và bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ về bảo hiểm của công dân	Quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ	Quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Bảo hiểm xã hội tỉnh
25	CSDL ngành Thuế	CSDL về người nộp thuế	Quản lý thuế, đánh giá mức độ chấp hành pháp luật của người nộp thuế, ngăn ngừa, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế	Thông tin về tình hình chấp hành pháp luật đối với người có nghĩa vụ phải nộp thuế theo quy định	Cơ quan quản lý cấp nhất; các ngành, địa phương có trách nhiệm cấp nhật lên CSDL; từ các hệ thống thông tin có liên quan	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù	Chi cục Thuế khu vực IX

*** Ghi chú:**

- **Chia sẻ dữ liệu mặc định:** Là hình thức chia sẻ các dữ liệu thường xuyên trong cơ quan nhà nước theo quy trình đơn giản, trong đó cơ quan nhà nước chuẩn bị sẵn các dịch vụ chia sẻ dữ liệu và cung cấp dữ liệu đã được chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu trao đổi thông qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho nhiều cơ quan nhà nước sử dụng (theo khoản 5 Điều 3 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ).

- **Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù:** Là hình thức chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước khác sử dụng theo yêu cầu riêng đối với dữ liệu không được sử dụng thông dụng bởi nhiều cơ quan nhà nước khác nhau; việc chia sẻ dữ liệu theo hình thức này cần thực hiện các hoạt động phối hợp của các bên về mặt kỹ thuật để chuẩn bị về mặt hạ tầng, kỹ thuật, công nghệ để xử lý hoặc tạo ra dữ liệu phục vụ chia sẻ dữ liệu (theo khoản 6 Điều 3 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ)/.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com